

Bản án số: 285/2019/HNGĐ-ST
Ngày 22 tháng 11 năm 2019
V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Hồng.
- Ông Huỳnh Tấn Khoa.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hồng Duyên, cán bộ Tòa án nhân dân huyện C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 458/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 558/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Như Diễm H, sinh năm 1971. (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Bùi Kim T, sinh năm 1970. (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên lạc: Số 321, tổ 13, ấp P, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn bà H ông T chung sống năm 1992 có khai đăng ký kết hôn nhưng chưa đăng ký kết hôn theo quy định. Hôn nhân do chúng tôi mai mối. Trong quá trình chung sống vợ chồng rất hạnh phúc, nhưng thời gian sau không còn hạnh phúc nữa, phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có những bất đồng thường xuyên cãi nhau, chồng hay cờ bạc, số đề, cá độ bóng đá vợ

chồng sống không còn chung sống từ năm 2016 đến nay. Thấy tình cảm không còn tôi yêu cầu ly hôn với Bùi Kim T.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Bùi Như Hồng H1, sinh ngày 28/5/1994 đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

- Về quan hệ nợ chung: Không có.

* Bị đơn ông Bùi Kim T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng không đến tham gia tố tụng cũng như không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: bà Nguyễn Như Diễm H xin ly hôn với ông Bùi Kim T. Ông T có nơi cư trú tại ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung*: bà Nguyễn Như Diễm H và ông Bùi Kim T xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 đến nay, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo pháp luật quy định; do đó hôn nhân của bà H, ông T là không hợp pháp và không được pháp luật thừa nhận bảo vệ. Căn cứ vào Điều 9 Luật hôn nhân gia đình nghị nên không công nhận bà Nguyễn Như Diễm H và ông Bùi Kim T là vợ chồng.

- *Về quan hệ con chung*: Bà H và ông T có 01 con chung tên Bùi Như Hồng H1, sinh ngày 28/5/1994 đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xét đến.

- *Về quan hệ tài sản chung*: Bà H xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về quan hệ nợ chung*: ghi nhận bà H trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà H và ông T trong thời kỳ hôn nhân thì bà H và ông T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3] *Về án phí*: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 8, 9, 14, 15 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

- Các Điều 28, 35, 146, 147, 212, 213, 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Như Diễm H.
2. *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận bà Nguyễn Như Diễm H và ông Bùi Kim T là vợ chồng.
3. *Về quan hệ con chung:* bà H và ông T có 01 con chung tên Bùi Như Hồng H1, sinh ngày 28/5/1994 đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xét đến.
4. *Về quan hệ tài sản chung:* bà H xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.
5. *Về quan hệ nợ chung:* ghi nhận bà H và ông T trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà H và ông T trong thời kỳ hôn nhân thì bà H và ông T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.
6. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* bà H phải chịu án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm là 300.000^d (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^d (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0013029 ngày 13.5.2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang. Bà H đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Như Diễm H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Bùi Kim T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Quang Thanh

